

Bản án số: 34/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 07 - 6 - 2019

V/v “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**

Ông **Lưu Văn Có**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kiều Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1573/2018/TLST- HNGĐ ngày 25/12/2018 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Mỹ T**; sinh năm 1972

Địa chỉ: đường L, phường P, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Nguyễn D**; sinh năm 1967

Địa chỉ: đường L, phường P, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2018, biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính tình không hợp. Ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, càng ngày càng thêm trầm trọng. Ông D là người không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho các con và không đưa tiền để cùng bà nuôi con mà thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà và các con, nhiều lần bà đã phải nhờ Công an khu vực can thiệp để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của mẹ con bà. Cuộc sống hôn nhân của bà không còn hạnh phúc, bà không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân với ông D nên

bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông D có 05 con chung là: Nguyễn Anh T, sinh ngày 03/8/1993; Nguyễn Thị K, sinh ngày 24/4/1995; Nguyễn Đăng T, sinh ngày 03/7/2001; Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/02/2009.

Tất cả các con đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng từ trước đến nay, vì vậy sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục ba con chung là Nguyễn Đăng T, Nguyễn Thị N và Nguyễn Tấn T và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Các con chung Nguyễn Anh T và Nguyễn Thị K đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn D, và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

* Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông D là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Các cháu: Nguyễn Anh T và Nguyễn Thị K đã đủ tuổi trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Bà T trình bày các con từ trước đến nay đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi ba con chung là Nguyễn Đăng T, Nguyễn Thị N và Nguyễn Tấn T cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung Nguyễn Đăng T, Nguyễn Thị N và Nguyễn Tấn T cho đến khi tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn, nhưng ông D vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra chứng cứ, phiên hòa giải và lần thứ hai ông D vắng mặt không có lý do tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bà Mai Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Mai Thị Mỹ T và ông Nguyễn D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2001 ngày 10/7/2001, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của bà T về mâu thuẫn gia đình và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà T đã giao nộp cho Tòa án, nhưng ông D cố tình trốn tránh, không chịu ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Việc ông D cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Như vậy lời khai của bà T về việc gia đình bà có mâu thuẫn, không có hạnh phúc gia đình là có cơ sở. Hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông D có 05 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 03/8/1993; Nguyễn Thị K, sinh ngày 24/4/1995; Nguyễn Đăng T, sinh ngày 03/7/2001; Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/02/2009.

Các cháu Nguyễn Anh T và Nguyễn Thị K đã đủ tuổi trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Các cháu còn lại gồm Nguyễn Đăng T, Nguyễn Thị N và Nguyễn Tấn T, chưa đến tuổi trưởng thành đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ, đồng thời bà T trình bày các con từ trước đến nay đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi ba con chung cho đến tuổi trưởng thành. Xét yêu cầu được nuôi các con chung sau khi ly hôn của bà T là chính đáng, phù hợp với ý chí, nguyện vọng của các con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của bà T.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà Mai Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn D.

2. Giao các con chung: Nguyễn Đăng T, sinh ngày 03/7/2001; Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/5/2005 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11/02/2009 cho bà Mai Thị Mỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tuổi trưởng thành. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Ông D có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T và ông D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Bà Mai Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010461 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Bà T và ông D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- THADS Tp. Nha Trang;
- UBND phường P
(ĐKKH số 83/2001)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Tú Vinh